TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 27/3/2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST - HNGĐ ngày 15/10/2018 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 675/2018/QĐXX- ST ngày 19/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị C T T

Trú tại: Thôn L H, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ H Q

Trú tại: Thôn L H, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

Ngân hàng C Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T G H - Phó Giám đốc Chi nhánh huyện M H, tỉnh Q B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2018 và bản tự khai ngày 02/11/2018 của nguyên đơn C T T trình bày giữa chị và anh Đ H Q đã đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã xã H H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 01 người con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn cho chị.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu C X V sinh ngày 05/10/2015. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị T là giao cháu V cho anh Q nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Toàn bộ tài sản giao cho anh Đ H Q quản lý và sử dụng.

Khoản vay chung: Hai vợ chồng chị T và anh Q có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Chị T yêu cầu anh Q phải trả số tiền vay đó.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh Q nhiều lần nhưng anh Q không đến Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được anh Q hiện tại vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương nơi cư trú. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 29/11/2018, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị T và anh Q. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị C T T và anh Đ H Q đã đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của chị T xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Khoản 1, Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C T T được ly hôn với anh Đ H Q.

[2] Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao anh Đ H Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C X V sinh ngày 05/10/2015. Vì chị C T T bị khuyết tật về thần kinh có giấy chứng nhận của UBND xã H H, không lao động được và không có thu nhập nên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Giao toàn bộ tài sản chung của chị T và anh Q cho anh Đ H Q sở hữu và sử dụng.

Khoản vay chung: Hai vợ chồng chị T và anh Q có vay vốn tại Ngân hàng C huyện M H số tiền 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Chị T yêu cầu anh Q phải trả số tiền vay đó.

Ý kiến của ông T G H là người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng C Việt Nam: Anh Q và chị T có vay vốn tại ngân hàng chúng tôi, khoản vay này là vay tín chấp, không có thế chấp gì cả. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử nếu tài sản giao cho ai thì buộc người đó có trách nhiệm trả nợ vay cho ngân hàng.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã đến tại nhà và lấy lời khai của anh Q. Anh Q đồng ý trả khoản vay 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) vay tại Ngân hàng C huyện M H đứng tên anh Đ H Q và chị C T T và lãi phát sinh.

Vì toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng đã giao cho anh Q quản lý và sử dụng nên cần xử buộc anh Đ H Q có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) vay tại Ngân hàng C huyện M H đứng tên anh Đ H Q và chị C T T và lãi phát sinh là có cơ sở.

[4] Án phí: Chị C T T bị khuyết tật tâm thần nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi theo định kỳ. Chị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004025 ngày 15/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị C T T được ly hôn với anh Đ H Q.

2. Về con chung: Xử giao anh Đ H Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C X V sinh ngày 05/10/2015. Chị C T T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị T bị khuyết tật tâm thần.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về khoản vay chung: Xử buộc anh Đ H Q có trách nhiệm trả số tiền vay tại Ngân hàng C huyện M H là 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh.

4. Về án phí: Chị C T T bị khuyết tật tâm thần nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi theo định kỳ. Chị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004025 ngày 15/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/3/2019), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã H H để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã H H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Lâm Xướng